

**UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Số: 280/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Lai Châu, ngày 30 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1041/TTr-TNMT ngày 29/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

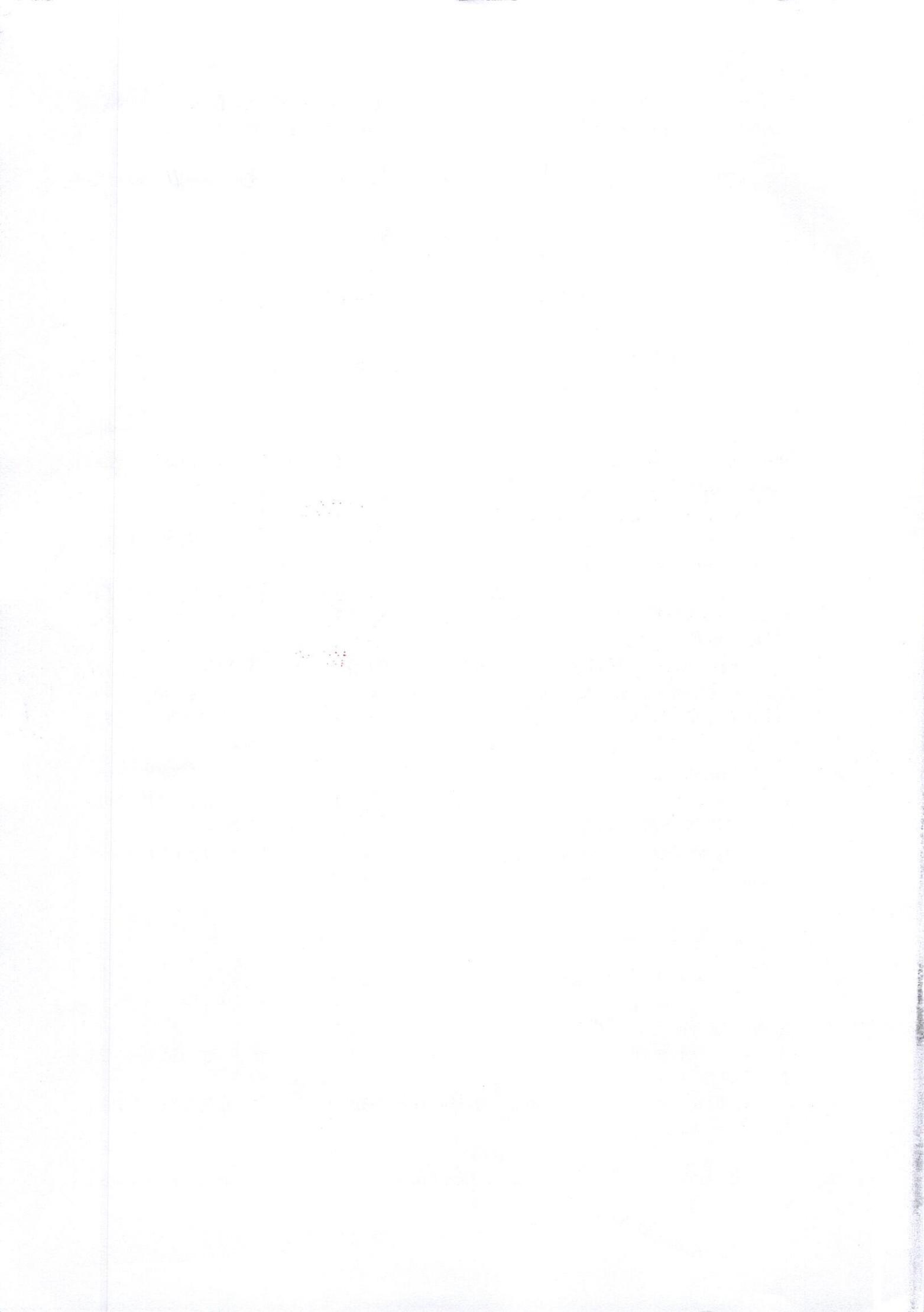
Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông: Trịnh Văn Dự (vợ Nguyễn Thị Nhậm) - Cư trú tại bản Phan Lìn, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 304.719.572 đồng.

(Bằng chữ: Ba trăm linh tư triệu, bảy trăm mươi chín nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:



- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thàng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Trịnh Văn Dự có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thàng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CỦ BỒ SUNG

Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: 2890/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Hộ gia đình bà ông Trịnh Văn Dự (vợ Nguyễn Thị Nhậm)				
	Địa chỉ: bản Phan Lìn, xã San Thàng, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				304.719.572
<i>a</i>	<i>Về đất</i>				35.368.300
1	Diện tích thu hồi	m ²	955,9		
2	Loại đất				
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	955,9	37.000	35.368.300
	Vị trí (VT1) (KV1)				
	Gia đình bị thu hồi 03 thửa đất tổng diện tích 955,9 m ² (diện tích thu hồi có sự sai số với bản đồ địa chính) gồm các thửa 755, 758; tờ BD số 120. Thửa đất số 210, tờ BD số 121 (Theo BD trích do thu hồi dự án) có nguồn gốc cụ thể như sau: - Thửa đất số 755, tờ BD số 120 diện tích thu hồi 131,0 m ² , trong đó: + Diện tích 17,1m ² của thửa đất số 248 tờ bản đồ 120 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC321684 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 23/11/2012 mang tên ông Vũ Văn Dũng và bà Lã Thị Diệp. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trịnh Văn Dự và bà Nguyễn Thị Nhậm quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Dự khai hoang sử dụng vào mục đích trồng lúa trước năm 1993 đến nay. Nguyên nhân giấy chứng nhận cấp không đúng ranh giới chủ sử dụng đất. + Diện tích 70,4 m ² của thửa đất số 343, tờ BD số 120 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC466872 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 23/11/2012 mang tên ông Trịnh Văn Dự. + Diện tích 43,5 m ² của thửa đất số 283, tờ BD số 120 thông tin theo BD địa chính đang quy loại đất DTL do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trịnh Văn Dự và bà Nguyễn Thị Nhậm quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Dự khai hoang sử dụng mục đích đất lúa từ năm 1993. Hiện trạng giữa bản đồ do đặc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ do đặc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ do đặc năm 1998. - Thửa đất số 758, tờ BD số 120 diện tích thu hồi 412,2 m ² , trong đó: + Diện tích 226,8 m ² của thửa đất số 343, tờ BD số 120 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC466872 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 23/11/2012 mang tên ông Trịnh Văn Dự và bà Nguyễn Thị Nhâm. + Diện tích 109,2 m ² của thửa đất số 346, tờ BD số 120 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC321684 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 23/11/2012 mang tên ông Vũ Văn Dũng và bà Lã Thị Diệp. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trịnh Văn Dự và bà Nguyễn Thị Nhậm quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Dự khai hoang và sử dụng mục đích trồng lúa từ năm 1993 đến nay. Hiện trạng giữ bản đồ do đặc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ do đặc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ do đặc năm 1998. + Diện tích 76,4 m ² của thửa đất số 283, tờ BD số 120 thông tin theo BD địa chính đang quy loại đất DTL do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trịnh Văn Dự và bà Nguyễn Thị Nhâm quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Dự khai hoang và sử dụng mục đích trồng lúa từ năm 1993 đến nay. Hiện trạng giữ bản đồ do đặc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ do đặc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ do đặc năm 1998. - Thửa đất số 210, tờ BD số 121 diện tích thu hồi 412,7 m ² , trong đó: + Diện tích 49,6 m ² của thửa đất số 99, tờ BD số 121 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC31435 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 4/1/2012 mang tên ông Vàng A Kèo và bà Vùi Thị Cháp. Ngày 24/5/2022 gia đình ông Vàng A Kèo và bà Vùi Thị Cháp đã chuyển nhượng QSD đất cho bà Nguyễn Thị Nhậm theo hợp đồng chuyển nhượng QSD đất số chứng thực: 03, quyền số 01-SCT/HĐGD do UBND xã San Thàng lập ngày 24/5/2022. + Diện tích 109,2 m ² của thửa đất số 131 và 4,2 m ² của thửa đất số 100, tờ BD số 121 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC466823 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 23/11/2012 mang tên ông Vàng Văn Bích và bà Phan Thị Sứ. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trịnh Văn Dự và bà Nguyễn Thị Nhậm quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Dự khai hoang và sử dụng vào mục đích trồng lúa từ năm 1993 đến nay. Hiện trạng giữ bản đồ do đặc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ do đặc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ do đặc năm 1998. + Diện tích 146,2 m ² của thửa đất số 283, tờ BD số 120 thông tin theo BD địa chính đang quy loại đất DTL do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trịnh Văn Dự và bà Nguyễn Thị Nhậm quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Dự khai hoang sử dụng vào mục đích trồng lúa từ năm 1993 đến nay. Hiện trạng giữ bản đồ do đặc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ do đặc năm 1998 có sai số, do đặc, quy chủ chưa chính xác và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ do đặc năm 1998. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.				
<i>b</i>	<i>Tài sản vật kiến trúc</i>				124.614.072



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
Toàn bộ tài sản trên thửa đất số 99 tờ bản đồ 121 do ông Vàng Văn kèo tao lập năm 2011 để giữ đất và chắn nước lũ tràn vào ruộng sau đó chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho gia đình ông Trịnh Văn Dự.					
Toàn bộ tài sản trên thửa đất số 343, 346 tờ bản đồ 120 do gia đình ông Trịnh Văn Dự tao lập năm 2011 để giữ đất và chắn nước lũ tràn vào ruộng .					
Tài sản tao lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích sử dụng đất, khi tao lập không bị lấp biển bùn vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (bồi thường bằng 100% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
1	Kè đá xây (120*2,7*0,8) kè suối	m ³	259,2	392.700	101.787.840
2	Kè đá xây (2,7*0,8*26) kè suối	m ³	56,2	392.700	22.054.032
3	Đất đắp bờ suối (tính bằng đắp đất bằng máy trong phạm vi 50 m) (26*2,7*1)	m ³	70,2	11.000	772.200
c	Cây trồng, vật nuôi				3.264.000
1	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4 (giáp bờ suối)	Cây	3,0	192.000	576.000
2	Sản lượng lúa 600m ² *5,6 tấn/ha/năm	kg	336,0	8.000	2.688.000
d	Chính sách hỗ trợ				141.473.200
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	955,9	148.000	141.473.200

